

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/3/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

khi ly hôn giữa anh Bùi Văn T và chị

Nguyễn Thị Thúy C

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Sang;
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX - ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy C, sinh năm 1982;

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2021, bản tự khai đề ngày 02 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là anh Bùi Văn T trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thúy C kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 19 tháng 3 năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận tại gia đình anh ở thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình được 01 năm thì ra ở riêng. Đến ngày 13 tháng 6 năm 2017 chị C tự ý bỏ đi khỏi gia đình anh. Chị C có nhắn tin, liên lạc, nói chuyện với anh qua điện thoại nhưng anh không biết chị C ở đâu, làm gì vì đã rất nhiều lần anh hỏi chị C nhưng chị giấu và không cung cấp cho anh biết địa chỉ. Anh cũng đã nhờ gia đình bố mẹ đẻ chị C động viên, khuyên bảo chị nhưng chị C vẫn không quay về. Vợ chồng sống ly thân nhau đã hơn 04 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C.

1.2 Về nuôi con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Thúy C có 02 con chung là Bùi Thanh P, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2007 và Bùi Quang M, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con. Anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về chia tài sản chung: Anh không không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh không có khoản vay nợ chung ai hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 10 tháng 11 năm 2021, bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ của anh T) trình bày như sau: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa anh T và chị Ch đúng như anh T đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận cùng gia đình bà được 01 năm sau đó ra ở riêng, cách gia đình bà khoảng 02km. Theo như bà biết vợ chồng cũng không xảy ra cãi chửi nhau. Nhưng không hiểu vì lý do gì, chị C đã tự ý đi khỏi nhà, tuy có liên lạc và nhắn tin về cho anh T nhưng chị C giấu không cho gia đình bà và anh T biết hiện nay chị C đang ở đâu và làm gì. Bản thân anh T thường xuyên về gia đình bên ngoại để nói chuyện và nhờ gia đình khuyên bảo chị C nhưng chị C vẫn không quay về. Nay anh T khởi kiện xin ly hôn chị C, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T để anh T ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn, nuôi con.

Về con chung: Bà đề nghị Tòa án giao cả hai con chung của anh T và chị C cho anh T nuôi dưỡng. Từ khi chị C bỏ đi, các cháu vẫn sống cùng anh T, anh T vẫn chăm sóc chu đáo cho các cháu. Gia đình bà cũng hỗ trợ anh T chăm sóc tốt cho các cháu.

Về tài sản chung: Bà không rõ về tài sản chung của vợ chồng anh T và chị C. Đề nghị Tòa án căn cứ vào lời trình bày của anh T và chị C để giải quyết theo quy định của pháp luật. Về nợ chung: Bà T trình bày như lời trình bày của anh T.

3. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 28 tháng 12 năm 2021, ông Nguyễn Đức T (là bố đẻ chị C) trình bày:

Ông không biết cụ thể mâu thuẫn giữa chị C và anh T. Nhưng trước đó, công việc làm ăn của chị C không thuận lợi dẫn đến việc nợ nần. Vì vậy chị C đã rời khỏi gia đình anh T. Chị C vẫn mặc cảm về việc này và cũng không muốn cha mẹ phiền lòng nên ít tâm sự với vợ chồng ông mà thường xuyên gọi điện, tâm sự với cháu Nguyễn Mai C (là em họ của chị C, ở ngay cạnh nhà ông). Nay anh T khởi kiện xin ly hôn chị C, bản thân ông rất thương cho hoàn cảnh của anh T và ông cũng đã động viên chị C rất nhiều lần nhưng chị C không quay về nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Ông đề nghị Tòa án giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu. Về tài sản chung của vợ chồng chị C, ông không nắm được cụ thể.

Ngoài ra ông T còn trình bày: Việc Tòa án thụ lý giải quyết ly hôn theo đơn khởi kiện của anh T, chị C đã biết. Chị C gọi điện cho ông và cung cấp cho Tòa án hiện chị đang sinh sống ở địa chỉ x, H, phường T, Quận x, thành phố Hồ Chí Minh và còn cung cấp cho Tòa án số điện thoại để Tòa án liên lạc. Nhưng sau đó, chị C lại không sử dụng số điện thoại đó. Chị C chỉ thường xuyên nhắn tin, gọi cho cháu Nguyễn Mai C và ông vẫn nói chuyện được với chị C khi chị C liên lạc với cháu C. Các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho chị C, ông đã nhận đầy đủ thay cho chị C và ông đã trực tiếp nhờ cháu Nguyễn Mai C liên lạc và thông báo ngay cho chị C biết.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 17 tháng 01 năm 2002 cháu Nguyễn Mai C (là em họ của chị C) trình bày:

Cháu C là em họ, con chú ruột của chị C. Cháu C thường xuyên liên lạc với chị C qua điện thoại và biết được chị C đang sinh sống trong Thành phố Hồ Chí Minh. Nhiều lần, cháu có hỏi nhưng chị C không nói nên cháu cũng không biết địa chỉ cụ thể của chị C ở đâu. Cháu đã nghe chị C kể và nghe qua người khác nói lại nên cháu có biết việc vợ chồng chị C mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu. Nhưng nguyên nhân xuất phát từ đâu thì cháu không biết.

Cháu C khẳng định chị C vẫn thường xuyên liên lạc với cháu qua điện thoại. Các văn bản mà Tòa án gửi về cho chị C qua ông Nguyễn Đức T, ông T đều đưa lại cho cháu để cháu chụp lại, gửi ngay cho chị C biết. Chị C có nói lại với cháu việc chị không về được và để Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, địa phương cung cấp

như sau: Khoảng năm 2017, chị C làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều người. Sau đó, chị C đã đi khỏi địa phương. Anh T từ đó một mình nuôi cả hai con. Nay anh T khởi kiện xin ly hôn chị C, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T. Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh T nuôi dưỡng. Bản thân anh T và gia đình anh T đều là những công dân tốt, luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước và của địa phương. Về tài sản của anh T, chị C: Địa phương không biết cụ thể.

Ngoài ra, địa phương còn cung cấp thêm: Chị C hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Do chị C không khai báo tạm vắng nên địa phương không rõ địa chỉ hiện nay mà chị C đang sinh sống.

*** *Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Bùi Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy C .

+ Về nuôi con chung: Xử giao cho anh Bùi Văn T nuôi dưỡng hai con chung là Bùi Thanh P, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2007 và Bùi Quang M, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009. Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

+ Về chia tài sản chung: Do chưa có lời trình bày của chị C, anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Anh T, chị C có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

+ Án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Bùi Văn T có đơn khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy C có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V,

huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Hiện chị C không còn sinh sống tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng do chị C không cung cấp cho Tòa án và cũng không ai biết địa chỉ nơi chị C hiện đang cư trú, làm việc. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[1.2] Nguyên đơn, anh Bùi Văn T có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] **Quan hệ hôn nhân:** Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy C đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 19 tháng 3 năm 2005 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến khoảng giữa năm 2017 thì chị C tự ý bỏ đi. Kể từ thời gian đó anh, chị sống ly thân mỗi người một nơi đã hơn 04 năm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Qua xác minh tại UBND xã V và lời khai của đại diện gia đình chị C thì thấy trước khi bỏ đi, chị C làm ăn thua lỗ và có vay nợ của nhiều người. Bản thân anh T cùng gia đình hai bên đã động viên chị C nhiều lần nhưng chị C không quay trở về. Chị C cũng giấu, không cho bất cứ ai biết địa chỉ hiện tại mà chị đang sinh sống.

Khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, chị C đã được triệu tập nhiều lần bản thân chị cũng đã biết việc ly hôn này nhưng chị cố tình không về tòa án để tham gia tố tụng mà còn thông tin qua cháu Nguyễn Mai C về việc để Tòa án xét xử vắng mặt chị. Điều này chứng tỏ chị C thực sự không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của anh T và chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Bùi Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy C.

[2.2] **Về nuôi con chung:** Hiện cả hai con chung của anh T và chị C đều đang sinh sống cùng anh T, do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con. Chị C không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án. Mặt khác, anh T có công việc và thu nhập ổn định; các con đều có nguyện vọng được anh T nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung cần căn cứ vào điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình cần giao cả hai con chung cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Do chưa có lời trình bày của chị C, anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Anh T và chị C có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy C.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Bùi Thanh Phong, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2007 và Bùi Quang M, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2009. Ghi nhận việc anh T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy C cấp dưỡng nuôi con.

Chị C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Anh T, chị C có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tại biên lai số 0000950 ngày 02 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình;
(GCNKH số 09 ngày 19/3/2005).
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)